

## Thông tin xã hội học

### Tìm hiểu ý kiến người già qua những lá thư...

Người già thường đầy ắp tâm tư. Chương trình Câu lạc bộ người cao tuổi Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam mỗi tháng nhận được hàng ngàn bức thư của các cụ. Song song với công việc chọn lọc đưa lên làn sóng của Ban biên tập chúng tôi đã đề nghị và được phép lấy ngẫu nhiên một mẫu 200 thư gửi về trong khoảng nửa đầu năm 1991 (Trong đó, 20 bài đã phát thanh, còn lại, do số phút trên làn sóng rất hạn chế đã không thể xử lý hết)

Với cách lấy mẫu như trên, chúng ta thấy người viết thư gồm đại diện 5 vùng địa lý lớn từ miền núi trung du phía Bắc đến Đông Nam Bộ, 22 tỉnh từ Hà Tuyên đến Đồng Nai. Nam giới chiếm 95% các cụ bà chỉ mới tham gia ở mức độ khiêm tốn 5%. Có được 3 thư của các cụ người dân tộc thiểu số. 2 cụ dân tộc Mường ở Vĩnh Phú. Hà Sơn Bình, 1 cụ dân tộc Cao Lan ở Hà Tuyên.

Tuổi bình quân của người viết 68.3 nam 68.1 nữ 70.4. Từ 65 đến 74 tuổi chiếm 63%. Có 9% tuổi "bát thập" và hơn nữa. Trong đó, cao niên nhất cụ ông 88 tuổi và cụ bà 87 tuổi. Rõ ràng các bậc "đại lão" đã hăng hái tham gia nhiều hơn. Đường như nỗi niềm tâm tư tăng theo tỷ lệ thuận cùng tuổi tác và các cụ càng thêm mong muốn được chia sẻ, gửi gắm lại.

Về thành phần xã hội, gần 80% là cán bộ công nhân viên nhà nước nghỉ hưu. Các cụ hưu quân đội nhà giáo thường tự giới thiệu khá chi tiết nghề nghiệp chức vụ trước khi nghỉ. Số đông khác chỉ cho biết sơ sơ hoặc lướt qua. Ngoài khu vực Nhà nước, tuyệt đại bộ phận là nông dân và các cụ sẵn sàng bộc lộ gia cảnh vốn thanh bản hoặc nhiều lắm mới được "thường thường bậc trung". Những người có chức vụ cao hoặc thành phần khá giả chỉ rất thưa thớt hoặc thiếu vắng hẳn ở diễn đàn này.

Một sự phân loại khác có thể gây bất ngờ: Các cụ ở thành thị chỉ tham gia với tỷ lệ 30%. Còn lại 70% thuộc diện đang sống ở nông thôn. Tính chung các tỉnh đồng bằng sông Hồng, thành thị 26%, nông thôn 74%. Tập hợp 10 tỉnh có đồng ý kiến nhất, các tỷ lệ phân chia còn đậm nét hơn: thành thị 22%, nông thôn 78%. Phải chăng do ở nông thôn quá ít điều kiện để người già bày tỏ ý kiến và khi có dịp các cụ đã sốt sắng hưởng ứng phát biểu.

Về thể loại, tổng hợp chung có 54% phát biểu bằng thơ phú, 28% dạng thư trao đổi, 18% dạng khác (mẫu chuyện, ký, bình luận...). Văn vần ưa được sử dụng có thể do ưu thế ngôn ngữ chất lọc người viết hy vọng đạt được "ý tại ngôn ngoại", gửi gắm nỗi niềm. Mặt khác, với nội dung thiên về cái "ta" hơn cái "tôi" (như sẽ phân tích dưới đây) thể loại thơ phú có nhu cầu thích hợp. Hình thức thư trao đổi diễn đạt trực tiếp suy nghĩ yêu cầu của ngư viết. Đó là những nhận xét và chương trình phát thanh, phản ánh một hiện tượng xã hội, hỏi về bài thuốc hay, kinh nghiệm tốt. Nhiều cụ ưa sử dụng lồng ghép: phần trước là thư, sau đó "tức

cảnh sinh tình" mới thành thơ phú hoặc đôi ba câu vần về tùy theo khả năng có thể.

Tiếp theo những phân tích "ngoại vi" như kể trên, phần chính dưới đây muốn đi sâu vào nội dung các ý kiến. Đương nhiên là "mỗi cây mỗi hoa...", các cụ phát biểu thật muôn màu muôn vẻ. Tạm phân loại 5 vấn đề: 1/ Thu nhập - Đời sống; 2/ Lao động - Việc làm; 3/ Chăm sóc sức khỏe; 4/ Quan hệ gia đình; 5/ Quan hệ xã hội. Có những thư chỉ tập trung một vấn đề. Đồng thời cũng không ít cụ phát biểu tràn lên nhiều vấn đề, kể cả viết nhiều trang, gửi liên tiếp đôi ba lần. Một sự phân loại tương đối theo chủ đề chính, từ 20 thư tổng hợp được 248 lần vấn đề, gọi tắt là "ý kiến". Trong đó, cả 3 vấn đề đầu chỉ thu hút 21 ý kiến, chiếm 21%. Còn lại được quan tâm tham gia nhiều nhất là vấn đề (5) Quan hệ xã hội, cả thảy 175 ý kiến, hay 71%.

Tạm giải thích số hình thành các tỷ lệ như trên. Có thể chủ yếu do xuất phát từ chủ quan người viết, kể cả ảnh hưởng trực tiếp của theo dõi các buổi phát thanh tự điều chỉnh cho thích hợp. Nhõn chủ đề (1), (2), (3) rõ ràng thiết thực, song e bị coi là vụn vặt, tầm thường, ít được hưởng ứng. Chủ đề (4) tập trung ý kiến đông hơn, song cũng mới ở mức độ, tạm coi là số trung bình, (nếu lấy 100% chia đều cho 5 phần, mỗi chủ đề 20%). Đến chủ đề (5), nội dung tương như "xa" nhất đối với tuổi già lại được thực tế chấp nhận với tỷ lệ cao tuyệt đối.

Đương nhiên cũng có cách giải thích khác: qua nhiều vấn đề xã hội đang nổi cộm, nhức đầu, thu hút sự quan tâm của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó không ngoại trừ tuổi già. Hơn nữa, do đặc điểm lịch sử, chính lớp các cụ hiện nay có thời trai trẻ, vốn được rèn luyện hướng về cái chung-xã hội nhiều hơn. Nay tuy tuổi già, mỗi ngày thêm lực bất tòng tâm, ưu tư của các cụ vẫn dành nhiều cho chuyện làng nước...

Chi tiết vào các chủ đề. Về thu nhập - đời sống, có 4 ý kiến, 2 ở Hoàng Liên Sơn, 2 ở Thanh Hóa. Trong đó, 2 ý kiến chủ yếu nêu khó khăn tương không đủ sống, 2 ý kiến khác nêu kinh nghiệm giải quyết thiết thực tăng thu nhập: Ban hưu trí xã nhận thầu quản lý chợ, thu hút các cụ có điều kiện tham gia. Bên cạnh đó là kinh nghiệm bản thân trở về với "diên viên", làm VAC, phù hợp tuổi già.

Về lao động - việc làm có 11 ý kiến, 4 thuộc các tỉnh miền núi trung du phía Bắc, 4 ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng. 3 thuộc khu vực còn lại. Trong số này có 5 ý kiến viết bài phổ biến kiến thức, từ kinh nghiệm chế biến thực phẩm gia dụng, những bài thuốc hay, đến xây dựng, sửa chữa nhà cửa, làm hồ xí vệ sinh 2 ngăn. Có cả đề xuất về một sáng kiến công nghiệp, giới thiệu những tư liệu sách Hán, Nôm quý. Đây là những tấm lòng già rất xứng đáng trân trọng. Xã hội bằng cách nào đó tạo điều kiện để các

cụ thực thi ý nguyện, đồng thời nêu gương để nhiều cụ khác có năng lực tương tự cùng phát huy. Ngoài ra là những ý kiến động viên tham gia hoạt động xã hội, làm kinh tế với công việc thích hợp. VAC, v.v- Bên cạnh đó, ở một đôi chỗ các cụ cũng gọn bản khoán” sức "phá" đang quá lớn, động viên nhau làm phòng có ích gì? làm gì cho đặng ý nghĩa?

Về chăm sóc sức khỏe, có 6 ý kiến từ 5 tình biểu thị sự quan tâm như việc chuyển địa điểm cơ sở điều dưỡng của hưu trí, chế độ điều dưỡng đang bị "teo" dần, đến kinh nghiệm bản thân giữ gìn sức khỏe tốt, cổ vũ chống nghiện rượu, hỏi về một bài thuốc cần được biết rõ để áp dụng.

Đối với 3 chủ đề thu hút nhiều ý kiến, căn cứ nội dung thực tế của các bài, tạm phân thành 4 nhóm: Ca ngợi - Phê phán - Tự xác định thái độ - Nội dung khác. Hai nhóm đầu chưa chi tiết, nói chung và có địa chỉ cụ thể. Nhóm thứ 3 phân biệt hai thái độ: vui lòng chấp nhận và bức dọc, không thỏa mãn. Theo đó hình thành 7 nhóm nhỏ. Các nhóm "chung" nổi rõ chiếm ưu thế. Ca ngợi, giáo lý chung chiếm 35% trong chủ đề quan hệ gia đình, 26% trong chủ đề quan hệ xã hội. Ở phía phê phán, trước hết cũng là sự phê phán chung: tỷ lệ 21% đứng hàng thứ hai trong phân nhóm ở cả 2 chủ đề. Khen, chê cụ thể giữa tỷ lệ rất khiêm tốn: 7% khen và 9% chê trong quan hệ xã hội; 8% khen và 15% chê trong quan hệ gia đình. Với nội dung tự xác định thái độ trước hiện thực cuộc sống bề bộn, nhóm vui lòng chấp nhận chiếm tỷ lệ gấp 2 lần nhóm không thỏa mãn trong chủ đề quan hệ gia đình, các tỷ lệ là 14% và 6%; trong chủ đề quan hệ xã hội, tương ứng là 18% và 7%. Nhận xét chung, thiên hướng ca ngợi nhiều hơn phê phán; nói chung (cái "ta") nhiều hơn đề cập cụ thể (cái "tôi"). Khi cần xác định thái độ thì vui lòng chấp nhận nhiều hơn bức dọc. Trạng thái lặp lại khá giống nhau trong cả 2 chủ đề thu hút hơn 90% ý kiến. Đó là phản ánh thực chất hay đã bị nhiễu bởi những tác nhân ngoại lai, thiết nghĩ cần được tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn nữa.

#### ĐỖ THỊNH

### Người già trong các nước công nghiệp phát triển

Ở các nước Tây Âu, Mỹ hiện tượng xã hội lão hóa bắt đầu từ khoảng năm 1940, còn ở Nhật Bản từ sau năm 1970 xã hội bắt đầu lão hóa. Nhìn chung ở các nước công nghiệp phát triển hiện tượng xã hội lão hóa đang có chiều hướng tăng nhanh. Đây chỉ là chỉ báo nêu lên hiện tượng dân số bị lão hóa bởi chỉ số người già trên 65 tuổi tăng lên.

Theo tài liệu thống kê của Liên hợp quốc từ năm 1978, những nước có tuổi thọ cao trên thế giới là Nhật Bản, Aixolen, Thụy Điển, Na Uy và Hà Lan. Nếu phân chia theo giới tính thì tuổi thọ trung tính của nam giới ở Nhật là 73,46 tuổi, Ai Xơ Len 74,4 tuổi, Thụy Điển 72,37 tuổi, Na

Uy là 72,3 tuổi. Tuổi thọ của nữ giới: Ai Xơ 79,3 tuổi. Nhật 78,89 tuổi, Na Uy 78,65 và Thụy Điển là 78,50 tuổi. Nhìn chung tuổi thọ bình quân ở các nước công nghiệp phát triển đều cao, nhưng riêng Nhật Bản thì chỉ số tuổi thọ tăng lên vượt bậc. Kể từ 1935 tuổi thọ của nam giới là 46,9 tuổi, nữ giới là 49,6 tuổi. Năm 1960 nam giới là 65,3 tuổi nữ 70,26 tuổi, năm 1977 nam là 72,69 tuổi, nữ 77,95 tuổi đến năm 1980 nam là 73,46 tuổi và nữ là 78,89 tuổi. Nói về mức tăng trưởng của dân số người già trên 65 tuổi năm 1980, Viện nghiên cứu dân số đã tiến hành một cuộc điều tra đã cho những kết quả như sau: vào năm 1950 dân số người già chiếm trong tổng số là 4,9% - 30 năm sau (năm 1980) đã lên tới 8,9%, năm 1990 là 11% và tương lai năm 2000 sẽ là 14,3% và theo một dự báo thống kê của Bộ Y tế Nhật Bản thì năm 2015 dân số người già sẽ lên tới 20% và trạng thái đó sẽ ổn định. Với tình trạng ấy, hiện nay cứ 5 người Nhật có một người già. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc dân số người già tăng nhưng trong đó nguyên nhân trực tiếp là do mức sinh giảm rõ rệt. Đồng thời cũng do tiến bộ của y học, mức tử vong cũng giảm. Hơn thế nữa trong xã hội có học vấn cao vấn đề giáo dục, đặc biệt giáo dục gia đình cũng được chú trọng, những kết quả đó là do hiện đại hóa và công nghiệp hóa đưa lại.

Hưu trí là kết thúc hoạt động của con người đối với xã hội trong một số lĩnh vực, là thời kỳ nghỉ ngơi sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với xã hội. Hầu hết ở các nước Tây Âu đã sớm áp dụng chế độ hưu trí và những người 65 tuổi. Ở Nhật Bản năm 1900 chế độ hưu trí quy định cho người ở tuổi 55 vì khi đó tuổi thọ bình quân còn khá thấp (nam 43, nữ 45) và như vậy chế độ đó thực hiện đối với người làm thuê suốt đời. Ngày nay do tuổi thọ tăng (nam giới hơn 73 tuổi, nữ giới gần 79 tuổi nên chế độ hưu trước kia không còn thích hợp nữa. Năm 1978 chế độ này đã chuyển sang tuổi 60 (ở Mỹ năm 1979 có xí nghiệp đã thực hiện chế độ hưu cho người 70 tuổi).

Trong xã hội công nghiệp phát triển, vai trò của người già trong gia đình và xã hội bị giảm sút, thêm vào đó năng lực hoạt động tinh thần vật chất không còn năng động nên họ luôn cảm thấy đời sống thiếu thốn và là kẻ vô dụng. Ngược lại. Ở xã hội nông nghiệp và xã hội chưa phát triển vai trò của người già vẫn còn tác dụng lên đối với gia đình cũng như đối với xã hội bởi tri thức, kinh nghiệm sống của họ (vai trò trong các nghi lễ, trong giao tiếp, ứng xử và trong cả đời sống lao động sản xuất).

Như vậy xã hội hiện đại hóa, công nghiệp hóa đang làm mất đi các chức năng vốn có của người già. Hiện tượng này được nhà xã hội học Mỹ E.W. Gussess gọi là

"vai trò không có vai trò" (Roleless role). Tuổi thơ của con người có quan hệ tỷ lệ nghịch và mức độ xa của mục tiêu cuộc sống mà họ đặt ra. Vì thế trong những mục tiêu vô hạn mà người già áp ủ vẫn là "trẻ". Khi kết thúc nhiệm vụ đối với xã hội bằng sự kiện nghỉ hưu người già cảm thấy tinh thần có phần giảm sút.

Liên quan tới một số đặc tính của người già Rose Mays (thay bài giảng ở Viện nghiên cứu xã hội khu vực) có nêu lên một số mặt về "tính thống nhất" (integrity) và "tính độc lập" (independency) điểm chủ yếu trong thời kỳ tuổi già. Ở đây "tính thống nhất" chú trọng đến khía cạnh kinh tế và khía cạnh tinh thần. "Tính độc lập" chú trọng đến "liên đới xã hội và kết hợp gia đình". Khi người già đến tuổi về hưu, con cái đã trưởng thành, trách nhiệm nuôi dạy, giáo dục con cái của bố mẹ đã hoàn thành, vai trò chủ hộ bấy lâu nay vẫn giữ nay chuyển sang cho con trưởng và người già vẫn sống cùng con cái. Hiện nay số gia đình có bố mẹ và sống chung ở Nhật nhiều hơn hẳn các nước khác. Đặc điểm này được giải thích là do điều kiện kinh tế, xã hội nhưng lý do chính là tư tưởng cha mẹ muốn sống cùng con cháu còn nặng, thêm vào đó ý thức "nhà" truyền thống cũng là nền tảng để duy trì hình thái này. Tuy nhiên những năm gần đây cùng với sự thay đổi nhanh chóng cơ cấu xã hội, tình thái gia đình trong đó con cái sống chung với bố mẹ giảm xuống. Ví dụ từ năm 1978 đến năm 1983 tỷ lệ này giảm từ 38% xuống 35%. Khuynh hướng gia đình hạt nhân tăng, hộ độc thân và gia đình vợ chồng già tăng.

Một đặc điểm của người già khi đến tuổi về hưu là nhu cầu được làm việc vẫn là nhu cầu lớn nhất, trong đó có nhiều lý do những lý do đầu tiên vẫn là lý do kinh tế: ví dụ theo thống kê điều tra "đời sống người già" chỉ có 6,7% muốn nghỉ việc, với câu hỏi "bạn muốn làm việc đến bao nhiêu tuổi" thì số trả lời "đến khoảng 55 tuổi chiếm nhiều nhất (33%) "Đến khoảng 70 tuổi" trên dưới 21% và "trên 75 tuổi" là 13%. Chính vì vậy mà có những xí nghiệp đã thành lập dành cho người già, với chế độ lao động riêng. Với nhu cầu sống được tiếp tục làm việc, sống có ý nghĩa người già cảm thấy còn cần nhiều mặt nữa - Nhu cầu đối với cuộc sống và sống có ý nghĩa thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Nhìn chung về vấn đề này, những nghiên cứu tâm lý học đã thu được nhiều kết quả đáng kể qua điều tra thực tế ở các địa phương và khu vực ở Nhật Bản. Sau đây là một trong số câu hỏi được đặt ra cho người cao tuổi, qua đó chúng ta hiểu được nguyện vọng của họ - chẳng hạn - "có nhiều cách sống sau khi về già", ông (bà) hãy chọn một trong số cách sống nêu lên dưới đây:

1. Cùng chung sống hòa thuận với con cháu.
2. Hai vợ chồng sống hòa hợp, giúp đỡ lẫn nhau.
3. Sống thoải mái, có sở thích riêng.
4. Sống vui vẻ có nhiều bạn già.
5. Cố gắng tiếp tục công việc của mình đến trọn đời.
6. Giao thiệp với giới trẻ để không cảm thấy già nua.

Trong tổng số điều tra và người già có 34,6% chọn kiểu sống (1) 22,2% chọn kiểu (3) và 21,7% chọn kiểu (5). Như vậy tỷ lệ muốn sống "cùng con cháu" chiếm nhiều nhất, tiếp đến là sở thích và "công việc" nhưng số nữ giới

muốn sống theo kiểu (1) vẫn nhiều hơn, còn nam giới phần lớn vẫn là ham thích "công việc và sở thích riêng".

Đề tuổi già không cảm thấy cô đơn và được sống có ích cho xã hội, ở các nước phát triển đã có những chính sách và phúc lợi xã hội ưu tiên cho người già chẳng hạn nhà ở cho người già, ở đó thu nhận những người già trên 65 tuổi không thể sống được ở nhà riêng cũng như nhà con cái vì lý do gia đình, lý do kinh tế. Nhà dưỡng lão đặc biệt thu nhận những người già có bệnh tật hàng ngày phải chăm sóc hoặc những nhà dưỡng lão ở do gia đình phải chịu một phần chi phí cho ăn ở và điều trị dựa trên ít phúc lợi xã hội đối với người già. Ngoài ra họ còn tạo công việc làm thích hợp, động viên người già tham gia các tổ chức xã hội các tổ chức quần chúng để phát huy tính năng động, lấy lại niềm tin, với mục đích đem lại cho người già cuộc sống có ý nghĩa.

HOÀNG HOA

## Mấy nét

### sức khỏe tuổi già trí thức

Nâng cao tuổi thọ con người đang là một mục tiêu phấn đấu của mọi xã hội. Cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, môi trường sống của người ta ngày càng bị ảnh hưởng không khí ô nhiễm, tiếng động nhiều, các tệ nạn xã hội gia tăng v.v.- ảnh hưởng không ít đến đời sống tâm lý - thể lực con người, nhất là các cụ già.

Tuổi càng cao càng nhiễm bệnh tật, đó là lẽ tự nhiên. Các cơ quan tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa đều kém đi, đưa đến sự suy sụp thể lực. Các bệnh tật phù hợp với nhau, càng nghèo bệnh càng nhiều, cộng thêm vào đó là hoàn cảnh môi trường, xã hội, tâm lý cô đơn, bất lực, chán chường cũng có ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ các cụ già nước ta.

Sau đây chúng tôi nêu ra một số ví dụ về tình hình bệnh tật, sức khỏe của tuổi già mà chúng tôi khảo sát ở Viện Khoa học Xã hội Việt Nam trong 2 năm 1990-1991. Kết quả khám nghiệm sức khỏe của 130 cụ từ 51 tuổi trở lên cho thấy:

- Các bệnh về mắt, hô hấp, tim mạch, huyết áp: 100% mắc phải.

- Các bệnh tiêu hóa: 66,6%.

Nếu tính theo từng độ tuổi, chúng ta thấy:

- Độ tuổi 51-60 có 374 bệnh/103 người: trung bình mỗi người mắc 3,6 bệnh.

- Độ tuổi 61-70: 91 bệnh/24 người, trung bình một người mắc 3,8 bệnh.

- Độ tuổi 71 trở lên: 14 bệnh/3 người, trung bình một người mắc 4,7 bệnh.

Nếu so sánh và kết quả nghiên cứu bệnh tật của cáo cụ ở nông thôn thì chúng ta thấy: ở cơ quan khoa học xã hội các bệnh đường tiêu hóa cao hơn 3 lần, bệnh về cơ xương khớp cao hơn 3 lần và đều cao hơn so với bất cứ nơi nào khác.

Nguyên nhân nào đưa các lão trí thức khoa học xã hội có tỷ lệ mắc bệnh cao như vậy? Có rất nhiều yếu tố như sau:

- Trí thức phải thức khuya, dậy sớm, đọc nhiều, viết nhiều với ngọn đèn tù mù (trước đây), nhà cửa chật hẹp. - Đời sống thấp kém, đồng lương thấp không đủ bù lại năng lượng mất đi.

- Trí thức ít vận động cơ thể, làm cho hệ cơ xương khớp và hóa nhanh, các bệnh tim mạch, tiêu hóa đều cao

- Lao động chất xám là lao động tiêu hao rất nhiều năng lượng dẫn đến sự suy thoái, lão hóa cơ thể, các giác quan kém đi...

Người già cần được quan tâm chăm sóc, người già ở các cơ quan khoa học càng nên được quan tâm nhiều hơn. Ở Pháp, giáo sư đại học chỉ làm việc đến 65 tuổi (Có thể chuyển sang viết sách...) ở nước ta phải chăng nên nghiên cứu đưa ra luật lao động đối với tuổi già, vì người già là vốn kinh nghiệm quý báu có thể truyền thụ cho đời sau.

NGUYỄN ANH SAO

### **Dân số và các chính sách phát triển đối với người già.**

Vào năm 2020, cơ cấu tuổi của những quốc gia kém phát triển sẽ tương tự như cơ cấu tuổi của những quốc gia đã phát triển vào năm 1950. Tuổi trung bình của dân số thế giới sẽ vào khoảng 28 tuổi, tuổi thọ bình quân khoảng 66 và số con bình quân cho 1 người mẹ là 28 con.

Chiến thắng được thư trạng chết sớm, đó là kết quả của việc sử dụng các loại thuốc kháng sinh. Thực tế cho thấy trong số 100 trẻ em sinh ra có tới 87 em có khả năng sống tới 60 tuổi. Hơn thế nữa cũng trong số 100 trẻ sinh ra có 42 em có thể sống tới 80 tuổi. Đặc biệt phụ nữ hiện nay sống lâu hơn phụ nữ trước đây. Ngày nay, một phụ nữ 60 tuổi có thể sống thêm trung bình 21 năm nữa.

Sự hoà hợp giữa những yếu tố - giảm tỷ lệ tử vong do sinh đẻ và kéo dài tuổi thọ bình quân đã tạo nên sự gia tăng dân số già. Trừ những trường hợp đặc biệt, sự gia tăng này khó hy vọng sẽ giảm bớt trong những thập kỷ tới. Thậm chí người ta còn dự đoán rằng tuổi thọ bình quân có thể lên tới 90 tuổi.

Xu thế gia tăng tỷ lệ dân số lớn tuổi là một vấn đề phổ biến ở tất cả các vùng chính trên thế giới. Năm 1985 dân số châu Âu ở độ tuổi 60 trở lên chiếm khoảng 18% so với tổng số dân. Ở Bắc Mỹ là 16%. Tiếp đến là Liên Xô (13%), châu Đại Dương (12%), vùng Đông Á (9%), Nam Á và Mỹ La tinh (6%), Tiểu Sahara (5%).

Vào năm 2000 dân số lớn tuổi ở châu Âu dự đoán là 20%, trong khi đó tỷ lệ này ở châu Phi vẫn giữ là 5%. Trong khoảng thời gian từ 1980-2000 tỷ lệ này sẽ tăng chậm ở Mỹ La tinh, Nam Á, châu Đại Dương. Riêng Bắc Mỹ tỷ lệ này dao động quanh 16% đến 16,4%. Vùng Đông Á tỷ lệ này có thể lên tới 11% và Liên Xô lên tới 18%. Dự đoán 25 năm đầu thế kỷ 21 ở tất cả các vùng chính trên thế giới dân số già sẽ gia tăng với tỷ lệ cao hơn.

Gánh nặng và sự gia tăng số người lớn tuổi đối với người đang ở độ tuổi lao động được chính phủ nhiều nước quan tâm, song không phải tất cả các nước đều nhận thấy vấn đề này và mức độ như nhau. Vào năm 2000, tỷ lệ người lớn tuổi ở Thổ Nhĩ Kỳ nên giữ mức xấp xỉ 8%, Australia và New Zealand 15-16%; châu Âu và Nhật Bản 20-21%. Nhiều nước có những khu vực đặc biệt nhỏ như trong các thành phố, đang trải qua quá trình già hoá dân số rất mạnh. Có khu vực tỷ lệ dân số già lên tới 40% tổng số dân.

Hội nghị dân số thế giới tại Mexico năm 1984 kêu gọi chính phủ các nước nên quan tâm tới vấn đề người già không chỉ coi họ là nhóm người phụ thuộc và phải xem xét và những đóng góp của họ đã làm được và có thể quan tâm tới cả đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của gia đình và cộng đồng người già.

ĐOÀN KIM THẮNG

Nguồn: Populi-vol 14 No2, 1987